TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 18-8-2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2025/TLST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST – DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N3.

Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1. Địa chỉ: Số B đường T, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là khu phố C, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài V, chức vụ: Giám đốc, theo Quyết định số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Tổng giám đốc A.

Đại diện theo ủy quyền tham tố tụng: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1983. Chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh T1.

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị S, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền tham tố tụng của Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 trình bày:*

Vào ngày ngày 23 tháng 02 năm 2023 ông Huỳnh Thanh K, thường trú địa chỉ số A ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre có ký kết Hợp đồng vay nợ với Ngân hàng N3 - Chi nhánh huyện T1 (nay là Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 gọi tắt là A Chi nhánh T1) số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Vay theo phương thức: Cho vay theo hạn mức.

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Cho vay có bảo đảm bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: AN20230025/HĐTC ngày 23/02/2023 bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 14.428,1 m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số CP514799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên;

Ông Huỳnh Thanh K đã nhận nợ 01 (một) lần, cụ thể như sau:

* Giấy nhận nợ số 7105LDS202402185 ngày 23/02/2024

- Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng;

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động nuôi tôm thâm canh;

- Thời hạn cho vay: 06 tháng; Hạn trả nợ cuối cùng: 23/08/2024.

- Phân kỳ trả nợ gốc: 01 kỳ vào ngày 23/08/2024: 1.000.000.000 đồng

- Phân kỳ trả nợ lãi: 03 tháng/kỳ vào ngày 25;

- Lãi suất cho vay (tại thời điểm vay vốn): 7,5%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024, ông Huỳnh Thanh K đã yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân kỳ trả nợ gốc mới là ngày 25/11/2024, số tiền gốc 1.000.000.000 đồng.

Đến ngày 09 tháng 10 năm 2024 ông Huỳnh Thanh K chậm trả khoản vay Thấu chi tại A Chi nhánh tỉnh T1 (hạn mức thấu chi được cấp là 50.000.000 đồng, dư nợ đến ngày 24/02/2025 là 40.160.082 đồng) dẫn đến toàn bộ khoản vay 1.000.000.000

đồng tại A Chi nhánh huyện T1 chuyển nợ cần chú ý (nợ nhóm 2) do phân loại nợ theo liên chi nhánh. Ông Huỳnh Thanh K liên tiếp quá hạn các định kỳ gốc lãi tiếp theo của năm 2024 tại A Chi nhánh huyện T1. Mặc dù, A Chi nhánh huyện T1 đã phối hợp cùng địa phương nhiều lần đến tiếp cận, đôn đốc, yêu cầu ông Huỳnh Thanh K thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký. Ông Huỳnh Thanh K cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện trả nợ, có thái độ không hợp tác, không phối hợp và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng, thường xuyên cố tình trốn tránh.

Tổng số nợ của ông Huỳnh Thanh K tính đến ngày 18/08/2025 là 1.109.048.639 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho A Chi nhánh T1 số tiền vốn và lãi là 1.109.048.639 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 19/8/2025 đến khi xử lý xong theo hợp đồng tín dụng số 7105-LAV-202300974 ngày 23 tháng 02 năm 2023 cho đến khi nào trả tất nợ vay tại A Chi nhánh huyện T1 (nay là A Chi nhánh T1)

Do trước đây theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/02/2023 thì ông Huỳnh Văn N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hiện tại ông Huỳnh Văn N1 đã chết (năm 2023) nên Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Huỳnh Thanh K liên đới với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S trả nợ vay. Đồng thời Ngân hàng không yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hủynh Văn N2 trong việc trả nợ vay này.

Trường hợp ông Huỳnh Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A Chi nhánh T1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 14.428,1 m², thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số CP514799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên, đứng tên ông Huỳnh Thanh K theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: AN20230025/HĐTC ngày 23/02/2023 được ký kết giữa ông Huỳnh Thanh K với A Chi nhánh T1 để thu hồi nợ.

Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Huỳnh Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S, phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

** Bị đơn ông Huỳnh Thanh K đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định; đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N3. Buộc ông Huỳnh Thanh K, Đặng Thị N và bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 tạm tính đến ngày 18/8/2025 với số tiền 1.109.048.639 đồng (Một tỷ, một trăm lẽ chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Huỳnh Thanh K có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

Bị đơn ông Huỳnh Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tòa án xử xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 đã cung cấp cho Tòa án hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202300974 ngày 23 tháng 02 năm 2023 và biện pháp bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AN20230025/HĐTC ngày 23/02/2023 bao gồm: Quyền sử dụng đất: diện tích 14.428,1 m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số CP514799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên. Bị đơn ông Huỳnh Thanh K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202300974 ngày 23 tháng 02 năm 2023 và biện pháp bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 với ông Huỳnh Thanh K được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của của Bộ luật Dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực thi hành đối với các bên nên Tòa án căn cứ vào các nội dung trong hợp đồng tín dụng để xem xét, giải quyết. Do ông Huỳnh Thanh K vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông Huỳnh Thanh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc và lãi đến ngày 18/8/2025 là 1.109.048.639 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh tính từ ngày 19/8/2025 đến khi trả tất nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202300974 ngày 23 tháng 02 năm 2023 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AN20230025/HĐTC ngày 23/02/2023 bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 14.428,1 m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số CP514799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất. Thửa đất thế chấp do ông Huỳnh Thanh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã

A (nay là xã A) và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) đúng quy định. Trong trường hợp ông Huỳnh Thanh K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét tại hợp đồng ủy quyền ngày 23/02/2023 ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1957 hộ khẩu thường trú số 12/1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng hiện tại ông Huỳnh Văn N1 đã chết (năm 2023) nên Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Huỳnh Thanh K, bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay, không có yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn N1 trả nợ vay cho Ngân hàng. Xét đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Huỳnh Thanh K, bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 45.271.500 đồng (Bốn mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm đồng). Tuy nhiên, do bà Trần Thị S là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn 15.090.500 đồng án phí.

Ông Huỳnh Thanh K và bà Đặng Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 30.181.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N3.

Buộc ông Huỳnh Thanh K, bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 tạm tính đến ngày 18/8/2025 với số tiền 1.109.048.639 đồng (Một tỷ một trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng) *[Trong đó, nợ gốc là 1.000.000.000 đồng; tiền lãi là 109.048.639 đồng].* Ông Huỳnh Thanh K, bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S tiếp tục liên đới chịu lãi suất tính từ ngày 19/8/2025 đến khi trả tất nợ theo các mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7105- LAV-202300974 ngày 23 tháng 02 năm 2023

Trong trường hợp ông Huỳnh Thanh K, bà Đặng Thị N và bà Trần Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số AN20230025/HĐTC ngày 23/02/2023 bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 14.428,1 m^2, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, mục đích sử dụng đất: Đất nuôi trồng thủy sản, giấy chứng nhận QSD đất số CP514799, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03236 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2018 và các tài sản gắn liền với thửa đất, đất do ông Huỳnh Thanh K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Thanh K và bà Đặng Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 30.181.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 21.764.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn đồng) cho Ngân hàng N3 - Chi nhánh T1 theo biên lai thu số 0010911 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT);
- VKS nhân dân khu vực 9;
- Phòng THA DS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương